

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Số: 50/TB-ĐG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO
Đấu giá quyền sử dụng đất

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Đường Đại Cồ Việt, phố Thiên Sơn, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

2. Bên có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình.

3. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại khu dân cư tập trung xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (cũ) nay thuộc xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình. Gồm: 116 lô (thửa) đất; tổng diện tích: 14.917,7 m², cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Ký hiệu lô (thửa) đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô (thửa) đất)	Tiền bán hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/lô (thửa) đất)
1	LK-01	1	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
2	LK-01	2	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
3	LK-01	3	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
4	LK-01	4	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
5	LK-01	5	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
6	LK-01	6	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
7	LK-01	7	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
8	LK-01	8	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
9	LK-01	9	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
10	LK-01	10	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
11	LK-01	11	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
12	LK-01	12	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
13	LK-02	1	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000

STT	Vị trí	Ký hiệu lô (thửa) đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô (thửa) đất)	Tiền bán hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/lô (thửa) đất)
14	LK-02	2	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
15	LK-02	3	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
16	LK-02	4	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
17	LK-02	5	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
18	LK-02	6	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
19	LK-02	7	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
20	LK-02	8	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
21	LK-02	9	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
22	LK-02	10	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
23	LK-03	1	120.6	12,500,000	1,507,500,000	200,000	301,500,000
24	LK-03	2	123.0	12,500,000	1,537,500,000	200,000	307,500,000
25	LK-03	3	125.4	12,500,000	1,567,500,000	200,000	313,500,000
26	LK-03	4 (Lô góc)	119.8	13,750,000	1,647,250,000	200,000	329,450,000
27	LK-04	1 (Lô góc)	191.9	9,900,000	1,899,810,000	200,000	379,962,000
28	LK-04	2	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
29	LK-04	3	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
30	LK-04	4	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
31	LK-04	5	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
32	LK-04	6	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
33	LK-04	7	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
34	LK-04	8	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
35	LK-04	9	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
36	LK-04	10	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
37	LK-04	11	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
38	LK-05	1	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
39	LK-05	2	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
40	LK-05	3	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000

STT	Vị trí	Ký hiệu lô (thửa) đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô (thửa) đất)	Tiền bán hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/lô (thửa) đất)
41	LK-05	4	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
42	LK-05	5	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
43	LK-05	6	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
44	LK-05	7	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
45	LK-05	8	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
46	LK-05	9	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
47	LK-05	10	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
48	LK-05	11 (Lô góc)	191.9	9,900,000	1,899,810,000	200,000	379,962,000
49	LK-06	1 (Lô góc)	188.5	13,750,000	2,591,875,000	200,000	518,375,000
50	LK-06	2	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
51	LK-06	3	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
52	LK-06	4	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
53	LK-06	5	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
54	LK-06	6	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
55	LK-06	7	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
56	LK-06	8	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
57	LK-06	9	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
58	LK-06	10 (Lô góc)	188.5	13,750,000	2,591,875,000	200,000	518,375,000
59	BT-01	1 (Lô góc)	288.5	7,920,000	2,284,920,000	200,000	456,984,000
60	BT-01	2	300.0	7,200,000	2,160,000,000	200,000	432,000,000
61	BT-01	3	300.0	7,200,000	2,160,000,000	200,000	432,000,000
62	BT-01	4 (Lô góc)	288.5	7,920,000	2,284,920,000	200,000	456,984,000
63	LK-07	1 (Lô góc)	110.8	9,900,000	1,096,920,000	200,000	219,384,000
64	LK-07	2	101.8	9,000,000	916,200,000	100,000	183,240,000

STT	Vị trí	Ký hiệu lô (thửa) đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô (thửa) đất)	Tiền bán hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/lô (thửa) đất)
65	LK-07	3	107.8	9,000,000	970,200,000	100,000	194,040,000
66	LK-07	4	106.6	9,000,000	959,400,000	100,000	191,880,000
67	LK-07	5	104.2	9,000,000	937,800,000	100,000	187,560,000
68	LK-07	6	108.9	9,000,000	980,100,000	100,000	196,020,000
69	LK-07	7	105.2	9,000,000	946,800,000	100,000	189,360,000
70	LK-07	8	110.9	9,000,000	998,100,000	100,000	199,620,000
71	BT-02	1	299.5	7,200,000	2,156,400,000	200,000	431,280,000
72	BT-02	2	298.2	7,200,000	2,147,040,000	200,000	429,408,000
73	BT-02	3	300.0	7,200,000	2,160,000,000	200,000	432,000,000
74	BT-02	4 (Lô góc)	299.4	7,920,000	2,371,248,000	200,000	474,249,000
75	LK-08	1 (Lô góc)	192.8	13,750,000	2,651,000,000	200,000	530,200,000
76	LK-08	2	100.4	12,500,000	1,255,000,000	200,000	251,000,000
77	LK-08	3	100.4	12,500,000	1,255,000,000	200,000	251,000,000
78	LK-08	4	100.4	12,500,000	1,255,000,000	200,000	251,000,000
79	LK-08	5	100.4	12,500,000	1,255,000,000	200,000	251,000,000
80	LK-08	6	100.5	12,500,000	1,256,250,000	200,000	251,250,000
81	LK-08	7	100.5	12,500,000	1,256,250,000	200,000	251,250,000
82	LK-08	8	100.5	12,500,000	1,256,250,000	200,000	251,250,000
83	LK-08	9	100.5	12,500,000	1,256,250,000	200,000	251,250,000
84	LK-08	10	100.5	12,500,000	1,256,250,000	200,000	251,250,000
85	LK-08	11	100.5	12,500,000	1,256,250,000	200,000	251,250,000
86	LK-09	1	100.5	12,500,000	1,256,250,000	200,000	251,250,000
87	LK-09	2	100.6	12,500,000	1,257,500,000	200,000	251,500,000
88	LK-09	3	100.6	12,500,000	1,257,500,000	200,000	251,500,000
89	LK-09	4	100.6	12,500,000	1,257,500,000	200,000	251,500,000
90	LK-09	5	100.6	12,500,000	1,257,500,000	200,000	251,500,000
91	LK-09	6	100.6	12,500,000	1,257,500,000	200,000	251,500,000

STT	Vị trí	Ký hiệu lô (thửa) đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô (thửa) đất)	Tiền bán hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/lô (thửa) đất)
92	LK-09	7	100.6	12,500,000	1,257,500,000	200,000	251,500,000
93	LK-09	8	100.6	12,500,000	1,257,500,000	200,000	251,500,000
94	LK-09	9	100.6	12,500,000	1,257,500,000	200,000	251,500,000
95	LK-09	10	100.7	12,500,000	1,258,750,000	200,000	251,750,000
96	LK-09	11 (Lô góc)	193.4	13,750,000	2,659,250,000	200,000	531,850,000
97	LK-10	1	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
98	LK-10	2	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
99	LK-10	3 (Lô góc)	192.0	13,750,000	2,640,000,000	200,000	528,000,000
100	LK-11	1	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
101	LK-11	2	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
102	LK-11	3	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
103	LK-11	4	100.0	9,000,000	900,000,000	100,000	180,000,000
104	BT-03	1 (Lô góc)	288.5	11,000,000	3,173,500,000	200,000	634,700,000
105	BT-03	2	300.0	10,000,000	3,000,000,000	200,000	600,000,000
106	BT-03	3	300.0	10,000,000	3,000,000,000	200,000	600,000,000
107	BT-03	4 (Lô góc)	288.5	11,000,000	3,173,500,000	200,000	634,700,000
108	LK-12	1 (Lô góc)	132.0	13,750,000	1,815,000,000	200,000	363,000,000
109	LK-12	2	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
110	LK-12	3	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
111	LK-12	4	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
112	LK-12	5	100.0	12,500,000	1,250,000,000	200,000	250,000,000
113	LK-13	1	135.0	9,000,000	1,215,000,000	200,000	243,000,000
114	LK-13	2	135.0	9,000,000	1,215,000,000	200,000	243,000,000
115	LK-13	3	135.0	9,000,000	1,215,000,000	200,000	243,000,000

STT	Vị trí	Ký hiệu lô (thửa) đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô (thửa) đất)	Tiền bán hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/lô (thửa) đất)
116	LK-13	4	135.0	9,000,000	1,215,000,000	200,000	243,000,000

4. Thời gian và địa điểm xem tài sản đấu giá

- **Thời gian xem tài sản:** Trong 03 ngày làm việc. Từ 08 giờ 00' ngày 15/10/2025 đến 17 giờ 00' ngày 17/10/2025 (*trong giờ hành chính*).

- **Địa điểm:** Tại thực địa khu đất đấu giá thuộc xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình.

- Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem tài sản đấu giá tại thực địa các khu đất đấu giá thì liên hệ và đăng ký với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình để được hướng dẫn chi tiết và xem tài sản thực địa;

- Người tham gia đấu giá không liên hệ và đăng ký xem tài sản với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình thì được coi là đã xem và chấp nhận hiện trạng của tài sản tại thực địa.

5. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá

- Thời gian:

+ Tại Trụ sở Trung tâm và Văn phòng đại diện của Trung tâm: Từ 08 giờ 00' ngày 07/10/2025 đến 17 giờ 00' ngày 22/10/2025 (*trong giờ hành chính*).

+ Tại trụ sở UBND xã Liên Minh:

., Bán hồ sơ mời tham gia đấu giá: Từ 08 giờ 00' ngày 07/10/2025 đến 17 giờ 00' ngày 22/10/2025 (*trong giờ hành chính*).

., Tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 08 giờ 00' ngày 20/10/2025 đến 17 giờ 00' ngày 22/10/2025 (*trong giờ hành chính*).

- Địa điểm:

+ Tại trụ sở Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình;

Địa chỉ: đường Đại Cồ Việt, phố Thiên Sơn, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Điện thoại: 0229.3636.668; Hotline - Zalo: 0902.180.281;

+ Tại Văn phòng đại diện Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình;

Địa chỉ: số 325, đường Trường Chinh, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình. Điện thoại: 0228.3836335;

+ Tại Văn phòng đại diện Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình;

Địa chỉ: đường Lê Chân, phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình. Điện thoại: 02263.845.968;

+ Tại trụ sở UBND xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Trụ sở UBND xã Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (cũ).

6. Nộp tiền đặt trước:

- Thời gian: Từ 08 giờ 00' ngày 07/10/2025 đến 17 giờ 00' ngày 22/10/2025.

- Cách thức nộp tiền đặt trước: Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước theo hình thức: Nộp tiền mặt tại ngân hàng hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng:

Ngân hàng LP Bank

Tên đơn vị thụ hưởng: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình

+ **Số tài khoản:** 126126128128

+ **Tại:** Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LP Bank)

Mã QR ngân hàng LP Bank:



- Nội dung nộp tiền đặt trước:

- Trường hợp nộp tiền đặt trước 01 lô (thửa) đất: Họ và tên người tham gia đấu giá, số CCCD, đặt trước lô (thửa) đất, vị trítại “khu vực đấu giá”.

Ví dụ: *Nguyễn Văn A, 036....., đặt trước lô 1, LK-01, Liên Minh*

- Trường hợp nộp tiền đặt trước nhiều lô (thửa) đất: Họ và tên người tham gia đấu giá, số CCCD, đặt trước lô (thửa),,, vị trí tại “khu vực đấu giá”.

Ví dụ: *Nguyễn Văn A, 036....., đặt trước lô 1,2,3, LK-01, Liên Minh*

Lưu ý: Hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ là hồ sơ có Phiếu đăng ký tham gia đấu giá được nộp trước 17 giờ 00' ngày 22/10/2025 và tiền đặt trước của khách hàng tham gia đấu giá báo có trong tài khoản của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình trước 17 giờ 00' ngày 22/10/2025.

7. Hồ sơ tham gia đấu giá bao gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất (theo mẫu) đã ký và ghi đầy đủ thông tin;
- Bản phô tô Căn cước công dân;
- Giấy nộp tiền (giấy chuyển khoản) vào tài khoản do Ngân hàng phát hành bản chính (nếu có);
- Chứng từ mua hồ sơ tham gia đấu giá (trừ trường hợp người tham gia đấu giá in hồ sơ trên Website thì nộp tiền mua hồ sơ cho Trung tâm vào thời điểm nộp hồ sơ). Trung tâm đối chiếu thông tin và trả lại cho người tham gia đấu giá.

8. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

- Thời gian: Vào hồi 08 giờ 00' ngày 25/10/2025 (Khách hàng đến trước 30 phút để làm thủ tục vào phòng đấu giá).
- Địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Hội trường UBND xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình.

9. Phương thức đấu giá, hình thức đấu giá:

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.
- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp, 01 (một) vòng đối với từng lô (thửa) đất tại phiên đấu giá; trả giá theo m², giá trả không lẻ đến hàng trăm đồng; bỏ phiếu đồng loạt đối với tất cả các lô (thửa) đất đủ điều kiện đấu giá.

Chi tiết liên hệ tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Đường Đại Cồ Việt, phố Thiên Sơn, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Điện thoại: 0229.3636.668; Hotline - Zalo: 0902.180.281.

Hoặc các Văn phòng đại diện Trung tâm, số điện thoại: 0228.3836335 - 02263.845.968./.

Website: <http://trungtamdichvudaugiataisan.ninhbinh.gov.vn/>

Nơi nhận:

- Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- Trang Thông tin điện tử Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình;
- Báo và Đài PTTH Ninh Bình;
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình;
- Văn phòng đại diện Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình tại phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình;
- Văn phòng đại diện Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình tại phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Liên Minh;
- Lưu HS/TT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Lệ Huyền